

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-PT

Ngày 25/3/2019

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản sau
khi ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Minh và Ông Hoàng Tuấn Anh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh:* Ông Nguyễn Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/HNGĐ - ST ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2019/QĐPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Ngô Tuấn A, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Tuấn T1, sinh năm 1958 (Có mặt)

2. Cụ Dương Thị G, sinh năm 1929 (Vắng mặt)

3. Bà Đào Thị D, sinh năm 1958 (Vắng mặt)

4. Anh Ngô Tuấn T2, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

5. Chị Ngô Thị N, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

6. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

7. Ông Ngô Tuấn C, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

8. Anh Ngô Tuấn C1, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

Đều trú tại: thôn L, xã D, huyện Y, Bắc Ninh.

9. Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Trú tại: Đông Thái, Đông Tiến, Y, Bắc Ninh.

10. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

11. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Phú Mẫn, thị trấn Chờ, Y, Bắc Ninh.

12. Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Trú tại: Mẫn Xá, Văn Môn, Y, Bắc Ninh.

13. Chị Dương Thị L, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

14. Anh Dương Văn H, sinh năm 1999 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn X, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

(Cụ G, bà D, anh T2, chị N, bà Đ, ông C, ông C1, chị X, ông T3, chị T5, anh T4, chị L, anh H ủy quyền cho ông Ngô Tuấn T1).

Người kháng cáo: Chị Đào Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là chị Đào Thị T trình bày: Chị và anh A kết hôn vào năm 2006, đến tháng 02/2018, anh A và chị ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2018 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đã giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, nhưng chưa giải quyết về quan hệ tài sản chung của vợ chồng. Nay chị khởi kiện yêu cầu anh A phải trả chị 1/2 định suất ruộng mà chị được chia, hiện nay anh A là chủ hộ đang quản lý sử dụng tại L, D, Y, Bắc Ninh. Ngoài ra chị T còn yêu cầu anh A phải trích trả chị 1/2 giá trị công trình phụ gồm bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm và các vật dụng gia đình khác như: Tivi, tủ lạnh... Tại

phiên hòa giải ngày 17/8/2018, chị T đã rút yêu cầu chia công trình phụ và các vật dụng gia đình, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài yêu cầu trên chị T không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn là anh Ngô Tuấn A trình bày: Theo anh được biết vào năm 1992, Hợp tác xã nông nghiệp thôn L (HTX L) tiến hành giao đất nông nghiệp cho các cá nhân hộ gia đình trong thôn canh tác. Khi đó, bố anh làm chủ hộ, anh là thành viên. Hộ gia đình anh được chia khoảng 17 xú đồng, đến nay anh không nhớ từng xú đồng, mỗi định suất được chia $756m^2$, anh được chia 1/2 định suất. Năm 2006 anh kết hôn với chị T. Năm 2009, thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa. Hộ gia đình anh đã thỏa thuận và báo HTX cho tách riêng anh và chị T làm một hộ mới. Chị T chuyển 1/2 định suất ruộng của chị T về hộ gia đình đứng tên anh. Ngoài diện tích anh và chị T được phân chia thì ông T1 còn cho anh và chị T canh tác thêm diện tích của ông T1. Sau khi dồn điền đổi thửa và tách hộ thì anh và chị T canh tác các xú đồng sau: Đồng Quan; Đồng Nội Nhé; Đồng Sùng Nhé; Đồng Giữa B và Đồng 2 lúa 1 màu (Ải).

Kể từ khi phân chia và tách hộ cho đến nay, các thành viên trong hộ ông T1 không tranh chấp gì và thống nhất canh tác các thửa ruộng như đã thỏa thuận phân chia.

Nay chị T yêu cầu anh phải trích trả 1/2 định suất đất ruộng canh tác trong hộ mà anh đứng tên chủ hộ, anh chấp nhận và nhất trí tách trả chị T các xú đồng: Đồng Nội Nhé diện tích $253m^2$ và $125m^2$ nằm trong đồng Sùng Nhé, tổng cộng là $378m^2$ đúng bằng 1/2 định suất chị T được chia.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan là ông Ngô Tuấn T1 trình bày: Năm 1992, HTX L tiến hành giao đất nông nghiệp cho các cá nhân hộ gia đình trong thôn canh tác. Tại thời điểm này hộ gia đình ông có các thành viên: Bố ông là Ngô Tuấn Chế, mẹ ông Dương Thị G, ông và vợ ông là Đào Thị D, em gái ông Ngô Thị Hương, con trai Ngô Tuấn A, con trai Ngô Tuấn T2, con gái Ngô Thị N, anh trai Ngô Tuấn Khoa (liệt sỹ). Cụ Chế chết năm 2009 không để lại di chúc; Bố, mẹ ông sinh được các con: Ngô Tuấn Khoa (Liệt sỹ hy sinh năm 1973 chưa có vợ con), Ngô Thị Đ, Ngô Tuấn C, Ngô Thị Chi, Ngô Tuấn C1, Ngô Thị

Hương và ông (Thi). Bà Chi chết năm 2014, bà Chi có chồng là Nguyễn Văn T3 và các con là: Nguyễn Thị T5, Nguyễn Văn T4. Bà Hương chết năm 2006, bà Hương có chồng là Dương Văn Lũy (chết năm 2001), bà Hương và ông Lũy có các con là Dương Thị L và Dương Văn H.

Tại thời điểm giao đất, những thành viên được giao 1 định suất là ông, bà D, bà Hương; Những người được chia 1/2 định suất là cụ G và cụ Ché, anh T2, anh A và chị N. Ngoài ra HTX còn giao 1/4 định suất canh tác để thờ cúng liệt sỹ Khoa.

Theo tiêu chuẩn, mỗi định suất được chia 756m². Hộ gia đình ông được chia 17 xú đồng, nay đã lâu và đã dần dần đổi thửa nên không nhớ cụ thể từng xú đồng được chia ban đầu.

Năm 2006 anh A và chị T kết hôn. Năm 2009, thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, anh A, chị T đã báo HTX cho tách riêng thành một hộ, đồng thời chị T cũng chuyển 1/2 định suất ruộng của chị T về hộ anh A. Cùng với việc dồn điền đổi thửa, tách hộ và canh tác trên diện tích của từng thành viên thì ông còn cho anh A, chị T canh tác thêm một phần diện tích đất của ông. Sau khi tách thửa hộ ông canh tác các thửa: Đồng Quan, Đồng Nội Nhé, Đồng Sùng Nhé, Ấp Châu, Đồng Giữa, thửa 2 lúa 1 màu (Ải). Hộ anh A canh tác các thửa: Đồng Quan; Đồng Nội Nhé; Đồng Sùng Nhé; Đồng Giữa B và Đồng 2 lúa 1 màu (Ải).

Việc tách hộ và dồn điền đổi thửa, giao trả ruộng cho các thành viên canh tác từ đó đến nay không ai có tranh chấp gì.

Nay chị T yêu cầu anh A phải trả chị 1/2 định suất ruộng mà chị chuyển về hộ anh A, ông nhất trí. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về định suất và diện tích ruộng còn lại của anh A và ông, hiện ông đang canh tác quản lý hộ anh A.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm áp dụng Điều 28, 29, 33, 34, 35 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28, 147, 157 BLTTDS, Điều 209, 210, 219 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T. Buộc anh Ngô Tuấn A phải trích trả chị T 1/2 định suất ruộng tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh, gồm các xứ đồng sau:

1. Đồng Nhé diện tích 253m², có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Phú, ông Thao; Phía Tây giáp đất thôn Chân Lạc; Phía Nam giáp đất ông Nghị; Phía Bắc giáp đất ông Tuyển.

2. Một phần thửa ruộng Sùng Nhé diện tích 125,7m², có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất nhà Tuyển Tuấn dài 15,5m; Phía Tây giáp phần đất còn lại của anh A dài 15,5m; Phía Nam giáp đất nhà bà Đồng rộng 8,11m; Phía Bắc giáp đất nhà ông Nghị rộng 8,11m. Tổng diện tích hai thửa là 378,7m²

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2018, nguyên đơn là chị Đào Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị T xác định nội dung kháng cáo là yêu cầu anh A phải trích trả lại diện tích ruộng của chị là 1/2 định suất ruộng và 96m² đất % trong đó 1/2 định suất có 120m² đất Đồng Giữa; 20,5m² đất Đồng Quan và 333,5m² đất ở Sùng Nhé.

Anh Ngô Tuấn A và ông Ngô Tuấn T1 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận chia diện tích ruộng 378,7m² tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh cho chị Đào Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, đã có chứng cứ chứng minh yêu cầu đòi 96m² đất % của chị T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án sơ thẩm xử theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2018 của TAND huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đã giải quyết về quan hệ hôn nhân, về con chung. Về tài sản chung các bên thỏa thuận tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Như vậy về quan hệ hôn nhân giữa anh A với chị T chấm dứt từ ngày 06/02/2018.

Tuy nhiên, sau khi ly hôn giữa hai bên không tự thỏa thuận giải quyết được với nhau về tài sản chung, đã dẫn đến tranh chấp. Chị T khởi kiện yêu cầu anh A phải trả chị 1/2 định suất ruộng mà chị được chia, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Sau khi có bản án sơ thẩm, nguyên đơn là chị Đào Thị T kháng cáo. Kháng cáo của chị T nộp và đóng tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật trong hạn, do vậy kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét.

[2] Về nội dung:

Năm 2006, anh A và chị T kết hôn. Năm 2009, thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, anh A và chị T đã tách thành một hộ riêng, đồng thời chị T chuyển $\frac{1}{2}$ định suất giao ruộng lâu dài của chị về hộ gia đình anh A, diện tích là 378m². Chị T, anh A đều thừa nhận điều này. Do đó bản án sơ thẩm quyết định chia cho chị T phần đất nông nghiệp là có căn cứ.

Xét kháng cáo của chị Đào Thị T cho rằng năm 2009 chị có chuyển định suất ruộng 5 %, diện tích là 96m² về hộ ông Ngô Tuấn T1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo sổ thống kê tổng hợp đất thổ cư, đất 5% lao động ruộng năm 1988-1992-2009 thấy:

Đối với hộ ông Đào Sỹ Quỳnh có 03 khẩu % năm 1988; khẩu % chuyển đi là 01 khẩu; khẩu % năm 2009 là 02 khẩu.

Hộ anh Ngô Tuấn A khẩu % chuyển đến là 02 khẩu; khẩu % năm 2009 là 02 khẩu, lao động chuyển đến là 01. Diện tích phần trăm ngoài đồng năm 2009 là 192m², diện tích giao lâu dài là 756m². Tổng diện tích giao năm 2009 là 948m².

Theo sổ thống kê hiện trạng sử dụng đất của các hộ trước và sau dồn điền đổi thửa thôn L năm 2009-2011 thể hiện:

Hộ anh Ngô Tuấn A có 1 định suất (gồm của anh A, chị T mỗi người 0,5 định suất) được giao tại các xứ đồng sau: Đồng Quan 41,5m², Đồng Nội Nhé 253m², Đồng Sùng Nhé 553m²; Đồng Giữa 250m² và Ải 28m². Tổng diện tích hộ anh A canh tác là 1.125,5m².

Theo quy định tại địa phương thể hiện 1 định suất giao ruộng lâu dài được giao 756m² và 01 khẩu % là 96m². Theo sổ thống kê tổng hợp đất thổ cư, đất 5% lao động ruộng năm 1988-1992-2009 hộ anh A khẩu % chuyển đến là 02 và định suất giao ruộng lâu dài là 1 định suất. Hộ anh A được giao ruộng lâu dài là 756m² và 2 khẩu % là 192m². Tổng diện tích hộ anh A được giao là 948m². Thực tế hộ anh A đang canh tác là 1.125,5m² chênh lệch thừa 177,5m². Mặt khác, theo sổ tổng hợp hộ ông Quỳnh là bố chị T thể hiện khẩu % chuyển đi là 01 khẩu và hộ anh A thể hiện khẩu % chuyển đến là 02 khẩu (gồm khẩu anh A và chị T). Từ những nhận định trên thấy tại thời điểm dồn điền đổi thửa năm 2009 chị T có chuyển khẩu % (diện tích 96m²) về hộ anh A là có căn cứ.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội dung kháng cáo của chị T là có căn cứ.

Về chi phí thẩm định, định giá: Do yêu cầu của chị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu chi phí thẩm định, định giá. Đối với phần yêu cầu chị T rút yêu cầu thì chị T phải chịu chi phí thẩm định, định giá. Chị T phải chịu tiền thẩm định, định giá là 5.000.000đ. Anh A phải chịu tiền chi phí thẩm định, định giá là 8.000.000đ, số tiền này chị T đã nộp nên anh A có nghĩa vụ trả chị T.

Về án phí: Do kháng cáo của chị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 28, 29, 33, 34, 35 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 209, 210, 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T.

2. Buộc anh Ngô Tuấn A phải trích trả chị T 1/2 định suất ruộng giao lâu dài, diện tích 378m² và 01 khẩu %, diện tích 96m² tại thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Tổng diện tích là 474m² gồm các xứ đồng sau:

- Đồng Nội Nhé diện tích 253m², có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông Phú, ông Thao; Phía Tây giáp đất thôn Chân Lạc; phía Nam giáp đất ông Nghị; phía Bắc giáp đất ông Tuyền.

- Một phần thửa đất nông nghiệp ở xứ đồng Sùng Nhé diện tích 221m², có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất nhà Tuyền Tuấn dài 15,0m; Phía Tây giáp phần đất còn lại của anh A dài 14,5m; Phía Nam giáp đất nhà (bà Đồng + Tuyền + Nga) rộng 15,0m; Phía Bắc giáp đất nhà ông Nghị rộng 15,0m.

Chị Đào Thị T có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục tách hộ canh tác và kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa ruộng trên và phải nộp các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đào Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Hoàn trả chị Đào Thị T số tiền 4.799.000đ đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0003772 ngày 15/5/2018 và 300.000đ tại biên lai thu số AA/2017/0003911 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Anh Ngô Tuấn A phải chịu 10.404.300đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Anh Ngô Tuấn A phải chịu 8.000.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản. Xác nhận chị T đã nộp số tiền này nên buộc anh A phải có nghĩa vụ trả chị T số tiền này. Chị Đào Thị T phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản, xác nhận chị T đã nộp số tiền này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đắc Dũng